

Số: 04/KL-TTr

Quảng Trị, ngày 25 tháng 4 năm 2024

**KẾT LUẬN THANH TRA TÀI CHÍNH**  
**Tại Ủy Ban nhân dân xã Gio Hải, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị**

Thực hiện Quyết định số Quyết định số 05/QĐ-TTr ngày 27/02/2024 của Chánh Thanh tra Sở Tài chính về việc Thanh tra tài chính tại UBND các xã, thị trấn: Gio Mỹ, Trung Giang, Gio Hải, Gio Linh, Cửa Việt huyện Gio Linh.

Sau khi xem xét Báo cáo kết quả thanh tra số 08/BC-ĐTTr ngày 24/4/2024 của Đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Tài chính Quảng Trị kết luận như sau:

**A. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH**

UBND xã Gio Hải (gọi tắt là UBND xã), là một đơn vị hành chính trực thuộc UBND huyện Gio Linh, xã Gio Hải là xã thuộc vùng đồng bằng ven biển bãi ngang nằm ở phía Đông của huyện Gio Linh, cách Trung tâm huyện Gio Linh khoảng 10 km. Thực hiện Nghị Quyết số 832/NQ-UBTVQH 14, ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Sau khi sáp nhập thôn Nhi Trung và thôn Nhi Hạ xã Gio Thành vào xã Gio Hải từ ngày 01/03/2020, xã có tổng diện tích đất tự nhiên là 19,58 Km<sup>2</sup>. Địa giới hành chính xã: Phía Đông giáp với Biển Đông, Phía Bắc giáp xã Trung Giang, Phía Tây giáp xã Gio Mỹ, xã Gio Mai, Phía Nam giáp Thị Trấn Cửa Việt, xã Gio Việt. Toàn Xã bao gồm 6 thôn: Thôn 4, Thôn 5, Thôn 6, Thôn Tân Hải, Thôn Nhi Trung và Thôn Nhi Hạ. Tổng số hộ 1.701 hộ, nhân khẩu 6.781 người. Điều tra hộ nghèo theo tiêu chí mới năm 2022: Tổng số hộ nghèo: 192 hộ chiếm 11,3%; hộ cận nghèo 101 hộ chiếm 5,9%).

Tổng số cán bộ, công chức đến 31/12/2023 có 32 người, trong đó: Cán bộ chuyên trách, công chức có 22 người, hoạt động không chuyên trách: 10 người.

Chức năng, nhiệm vụ về lĩnh vực kinh tế: Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua; lập dự toán thu chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán trên địa bàn; tổ chức thực hiện ngân sách địa phương, phối hợp với các cơ quan nhà nước trong việc quản lý ngân sách và báo cáo về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; quản lý và sử dụng hợp lý quỹ đất, xây dựng và quản lý các công trình công cộng; huy động sự đóng góp các tổ chức, cá nhân để xây dựng kết cấu hạ tầng trên tinh thần dân chủ, tự nguyện; thực hiện quản lý quỹ có kiểm tra, giám sát và đảm bảo sử dụng đúng mục đích.

UBND xã được ngân sách đảm bảo chi hoạt động thường xuyên và không thường xuyên để tổ chức các hoạt động, nhằm hoàn thành nhiệm vụ chính trị và quản lý nhà nước trên địa bàn.

Năm 2023, tổng thu ngân sách: 7.543.379.960 đồng, trong đó: Thu kết dư ngân sách; thu chuyển nguồn: 1.412.922.476 đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên 5.613.594.000 đồng, bao gồm: Bổ sung cân đối ngân sách 4.597.700.000 đồng và bổ sung có mục tiêu 1.015.894.000 đồng; các khoản thu được hưởng 100%: 120.905.000 đồng và thu ngân sách phân chia theo tỷ lệ 395.958.484 đồng.

Tổng chi thường xuyên 7.543.379.960 đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển 275.462.000 đồng; Chi thường xuyên 6.142.563.301 đồng; Chi chuyển nguồn 1.123.208.659 đồng; Chi nộp trả ngân sách cấp trên 2.146.000 đồng. Để quản lý các nguồn thu, các nhiệm vụ chi và các nội dung tài chính liên quan; UBND xã đã bố trí 01 công chức có trình độ đại học, làm công tác kế toán.

## B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

### B1. TÌNH HÌNH THU, CHI NSNN

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG THU	SỐ TIỀN	TỶ LỆ (%)	NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN	TỶ LỆ (%)
<b>Tổng số thu cân đối ngân sách</b>	<b>7.543.379.960</b>	<b>100,00</b>	<b>Tổng số chi cân đối ngân sách</b>	<b>7.543.379.960</b>	<b>100,00</b>
1. Các khoản thu được hưởng 100%	120.905.000	1,6	Chi đầu tư phát triển	275.462.000	3,7
2. Các khoản thu phân theo tỷ lệ	395.958.484	5,2	Chi thường xuyên	6.142.563.301	81,5
3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.613.594.000	74,40	Chi chuyển nguồn ngân sách	1.123.208.659	14,8
4. Kết dư ngân sách, chuyển nguồn	1.412.922.476	18,8	Chi nộp trả ngân sách cấp trên	2.146.000	0,02

**B2. CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ XÂY LẬP TỪ 01/01/2022 - 31/12/2023:** Theo số liệu báo cáo của UBND xã, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

TT	NĂM CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH	GIÁ TRỊ NGHIỆM THU	SỐ TIỀN ĐÃ THANH TOÁN
1	Năm 2022 -2023	8.384.803.000	8.183.831.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>8.384.803.000</b>	<b>8.183.831.000</b>

### B3. QUẢN LÝ TÀI SẢN CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT

TT	Đơn vị được thanh tra	Tổng hợp		
		Chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Chưa làm chuyển đổi tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Xác định giá trị quyền sử dụng đất chưa đúng quy định
1	2	3	4	5
	UBND xã Gio Hải (14 cơ sở)	6 cơ sở	5 cơ sở	14 cơ sở

*(Chi thường xuyên; chi xây dựng cơ bản; quản lý cơ sở nhà, đất có bảng chi tiết đính kèm)*

### C. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

#### I. Ưu điểm

##### 1. Chi thường xuyên

- Tổng số chi thường xuyên trong năm 6.418.025.301 đồng; việc sử dụng kinh phí cơ bản đúng mục đích, hiệu quả nhằm phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị của UBND xã.

- Việc mở sổ sách, sử dụng tài khoản và lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính; thực hiện các chính sách tài chính hiện hành, đáp ứng việc tập hợp và quyết toán các nguồn kinh phí.

- Chấp hành việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước cơ bản đảm bảo quy định hiện hành; tổ chức lưu trữ, sắp xếp chứng từ, tài liệu thuận tiện cho thanh tra.

- Thực hiện công tác hạch toán kế toán theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã (gọi tắt Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính) Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn và các văn bản quy phạm pháp luật về tài chính có liên quan.

- Chấp hành việc phân cấp quản lý: cụ thể quản lý ngân sách, phân cấp quản lý giá, mua sắm tài sản ... cơ bản đảm bảo quy định của pháp luật.

- Đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và thông qua Hội nghị cán bộ, công chức và người lao động; đã phát huy có hiệu quả trong việc giải ngân các nguồn kinh phí và tài sản công do UBND xã quản lý và sử dụng.

## **2. Chi xây dựng cơ bản**

- UBND xã đã tuân thủ tương đối tốt các Quy định về trình tự đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành, từ khâu chuẩn bị đầu tư đến quản lý thực hiện đầu tư: Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, bản vẽ thiết kế thi công và dự toán công trình; thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.

- UBND xã cơ bản thực hiện Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 14/9/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và một số quy định về Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn Luật có liên quan.

## **II. Tồn tại, hạn chế**

### **1. Việc thực hiện dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2023**

**1.1. Về Thu ngân sách:** Tổng thu đưa vào cân đối ngân sách đã qua Kho bạc Nhà nước: 7.543.379.960 đồng, bằng 110,21% so với dự toán huyện giao và bằng 110,21% so với dự toán trình HĐND xã, trong đó:

+ Thu trên địa bàn đưa vào cân đối ngân sách: 516.863.484 đồng, bằng 340%% so với dự toán huyện giao và bằng 340% so với dự toán HĐND xã (*các khoản thu xã hưởng 134,34%: 120.905.000 đồng; các khoản thu phân chia theo tỷ lệ: 456%; 395.958.484 đồng*).

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 5.613.594.000 đồng (*thu bổ sung cân đối: 4.597.700.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu: 1.015.894.000 đồng*).

+ Thu chuyển nguồn ngân sách 2022 chuyển sang: 1.412.922.476 đồng

**1.2. Về chi ngân sách:** Tổng chi ngân sách xã đã qua Kho bạc Nhà nước năm 2023 là: 7.543.379.960 đồng, Trong đó: Chi đầu tư phát triển: 275.462.000 đồng, bằng 148,10% so với dự toán huyện giao; Chi thường xuyên 6.142.563.301 đồng; Chi chuyển nguồn sang năm sau: 1.123.208.659 đồng, chi nộp ngân sách cấp trên (Đất trồng lúa theo NĐ 42): 2.146.000 đồng (theo hồ sơ báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách xã).

### **\* Qua kiểm tra việc thực hiện thu ngân sách cho thấy:**

Nhìn chung, UBND xã đã thực hiện dự toán thu, chi tương đối tốt; các khoản thu, chi phản ánh đầy đủ trong hệ thống sổ kế toán và nộp Kho bạc Nhà nước kiểm soát cơ bản đảm bảo quy định.



- Một số khoản thu vượt so với dự toán huyện giao như: Thu từ hoa lợi công sản 80.000.000 đồng, bằng 161,13%; Thuế thu nhập cá nhân 221.648.664 đồng, bằng 811,9%; Thuế GTGT 98.445.637 đồng, bằng 180,30%. Tổng nguồn tăng thu ngân sách xã so với dự toán huyện giao trong năm 2023 là 516.863.484 đồng.

- Một số khoản thu không đạt dự toán huyện giao như: Thu Phí lệ phí 35.339.000 đồng, đạt 88,35%.

- Một số khoản chi chưa đạt dự toán huyện giao (Gôm: Chi sự nghiệp giáo dục đạt 62,34%; Chi sự nghiệp văn hóa thông tin 99,35%, Chi sự nghiệp TDTT 96,34%).

**2. Về Công tác kiểm kê tài sản:** Căn cứ Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 40 Luật kế toán 2015, quy định: “1. Kiểm kê tài sản là việc cân, đong, đo, đếm số lượng; xác nhận và đánh giá chất lượng, giá trị của tài sản, nguồn vốn hiện có tại thời điểm kiểm kê để kiểm tra, đối chiếu với số liệu trong sổ kế toán. 3. Sau khi kiểm kê tài sản, đơn vị kế toán phải lập báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê. Trường hợp có chênh lệch giữa số liệu thực tế kiểm kê với số liệu ghi trên sổ kế toán, đơn vị kế toán phải xác định nguyên nhân và phải phản ánh số chênh lệch, kết quả xử lý vào sổ kế toán trước khi lập báo cáo tài chính.”.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 Luật kế toán 2015 quy định về kiểm kê tài sản “2. Đơn vị kế toán phải kiểm kê tài sản trong các trường hợp sau đây: a) Cuối kỳ kế toán năm...”.

Căn cứ quy định nêu trên, cuối kỳ kế toán năm đơn vị phải tiến hành kiểm kê tài sản cố định (TSCĐ), công cụ, dụng cụ (CCDC) nhằm đánh giá, xác định giá trị của tài sản, nguồn vốn hiện có tại thời điểm kiểm kê để kiểm tra, đối chiếu với số liệu trong sổ kế toán. Công tác kiểm kê TSCĐ, CCDC tại UBND xã chưa đảm bảo quy định, cụ thể:

- Có thành lập Hội đồng kiểm kê nhưng Hội đồng không tiến hành kiểm kê tài sản (TSCĐ, CCDC).

- Không có lập Biên bản kiểm kê các phòng, ban trực tiếp sử dụng tài sản để xác định trách nhiệm của các bộ phận, người được giao sử dụng tài sản khi làm mất mát, hư hỏng tài sản.

- Không có Báo cáo kết quả kiểm kê tài sản theo quy định

- UBND xã chưa chủ động rà soát đánh giá lại TSCĐ, CCDC đã hết hao mòn đã lâu, không còn sử dụng. Đề nghị cuối niên độ kế toán thành lập hội đồng đánh giá lại tài sản cuối năm để thực hiện rà soát đánh giá lại TSCĐ, CCDC cuối năm; trường hợp tài sản đó không còn sử dụng thì tiến hành thanh lý, thành lập

Hội đồng thanh lý đảm bảo theo quy định; xác định nhu cầu mua sắm trang thiết bị nhằm thay thế trang thiết bị đã cũ, không còn sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc.

- Không tiến hành kiểm kê Quỹ tiền mặt cuối năm theo biểu mẫu quy định; không thành lập Hội đồng kiểm kê.

Đánh giá, công tác kiểm kê tài sản, tiền mặt chưa được chú trọng, một trong nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch nguyên giá, hao mòn & giá trị còn lại đối với TSCĐ và giá trị đối với CCDC giữa sổ sách và thực tế.

\* Căn cứ khoản 1 Điều 16 Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm kê tài sản

***“Điều 16. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm kê tài sản***

*1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:*

*a) Không lập Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê hoặc báo cáo kết quả kiểm kê không có đầy đủ chữ ký theo quy định;”*

Xử phạt vi phạm hành chính UBND xã Gio Hải, với số tiền: **1.000.000 đồng** (Một triệu đồng chẵn) - Có biên bản kèm theo (Ngày 21/3/2024).

**3. Việc theo dõi, phản ánh vào Sổ TSCĐ, CCDC:** Thực hiện Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị. UBND xã đã mở sổ theo dõi TSCĐ, CCDC để phản ánh nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản nhằm theo dõi, quản lý (S24-H - Thông tư 107/2017/TT-BTC); Tuy nhiên, việc phản ánh nguyên giá TSCĐ của các tài sản chưa đảm bảo quy định nói trên, cụ thể:

\* TSCĐ đang phản ánh và theo dõi tại CCDC cụ thể: CPU máy tính (9,650 tr); bồn nước Sơn Hà (15 tr)...không đảm bảo các danh mục là CCDC. Đề nghị UBND xã rà soát, điều chỉnh danh mục TSCĐ, CCDC để phản ánh vào theo dõi vào Sổ sách kế toán đảm bảo quy định nói trên.

**4. Phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vào Sổ Kế toán:** UBND xã phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vào sổ sách kế toán để theo dõi và quản lý; việc áp giá đất đã lâu không còn phù hợp với giá trị theo quy định tại thời điểm hiện tại (Giá trị phản ánh vào Sổ sách kế toán các cơ sở: Đất thôn Nhĩ Hạ 73,416 tr; Đất Trung tâm HTCCĐ thôn 4 169,260 tr; Đất Trung tâm HTCĐ thôn 7 127,960 tr;

Đất Trung tâm HTCD thôn 5 126,336 tr; Đất TT HTCD thôn 6 240,240 tr; Đất TTHTCD thôn 8 999,6 tr; Đất TTHTCD thôn Nhĩ Trung 188,916 tr; Đất TTHTCD thôn Diêm Hà 121,044 tr...), yêu cầu UBND xã căn cứ bảng giá theo quy định hiện nay để áp giá và phản ánh vào Sổ kế toán giá trị quyền sử dụng đất đảm bảo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 104 Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công: “1. Giá trị quyền sử dụng đất tính thành tiền là giá trị tài sản cố định được tính trong giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị. 2. Giá trị quyền sử dụng đất được hạch toán vào giá trị tài sản và theo dõi trên sổ kế toán theo quy định của pháp luật kế toán; diện tích đất, hồ sơ về đất được ghi chép, theo dõi trên sổ tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị...) và quy định Điều 100 đến Điều 104 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ để thực hiện.

**5. Xác định hao mòn tài sản cố định vô hình:** Căn cứ loại 4 Phụ lục số 01 tại Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình; Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị. Quy định thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình đối với các phần mềm tỷ lệ hao mòn 20%/năm và thời gian sử dụng 5 năm. Tuy nhiên, UBND xã không tính hao mòn tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán và các phần mềm quản lý khác là chưa đảm bảo theo quy định nói trên.

**6.** Việc quản lý, sử dụng tài sản là Đất đã lâu nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD Đất (06 cơ sở nhà đất TTHTCD Thôn) để phản ánh vào theo dõi vào Sổ sách kế toán là không đảm bảo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 104 Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công: “1. Giá trị quyền sử dụng đất tính thành tiền là giá trị tài sản cố định được tính trong giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị. 2. Giá trị quyền sử dụng đất được hạch toán vào giá trị tài sản và theo dõi **trên sổ kế toán** theo quy định của pháp luật kế toán; diện tích đất, hồ sơ về đất được ghi chép, theo dõi trên sổ tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị...) và quy định Điều 100 đến Điều 104 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và tại Điều 40 Luật Kế toán năm 2015, gây khó khăn trong việc kiểm kê tài sản là đất khi phản ánh, theo dõi vào Sổ tài sản (TSCĐ vô hình) và lập Báo cáo tài chính.

Không có Giấy chứng nhận QSD Đất: Đề nghị UBND xã sớm làm việc với cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại các cơ sở Đất

đang quản lý để phản ánh vào Sổ kế toán theo dõi, quản lý đảm bảo theo quy định Luật đất đai có hiệu lực từ năm 2013; Nghị định 151/2017/NĐ-CP năm 2017 của Chính phủ và khoản 3 Công văn số 2225/UBND-TCTM ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất, cụ thể: *“Đối với các cơ sở nhà, đất thiếu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng các cơ sở nhà, đất liên hệ cơ quan có thẩm quyền căn cứ nguồn gốc, hồ sơ pháp lý có liên quan và quy định của pháp luật về đất đai để xem xét, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng theo đúng quy định của pháp luật”*.

## **7. Tách nguồn**

Trong năm, UBND xã không thể hiện rõ nguồn cải cách tiền lương, nguồn dự phòng, kết dư ngân sách mà đưa vào nội dung chuyển nguồn sang năm sau, năm 2022: 1.219.349.984 đồng; năm 2023: 1.531.783.219 đồng là chưa đảm bảo với quy định tại Điều 72: Xử lý kết dư ngân sách và Điều 10: Dự phòng ngân sách theo Luật Ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015 của Quốc hội. Đề nghị UBND xã xác định rõ nguồn kinh phí để theo dõi, quản lý đảm bảo quy định (trong đó: Nguồn CCTL; nguồn dự phòng; nguồn tăng thu, tiết kiệm chi; nguồn bổ sung sau 30/9...).

**8.** Cuối năm 2023, UBND xã lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thu chi ngân sách là chưa phù hợp với quy định. Theo quy định của pháp luật, UBND thị trấn phải lập 02 báo cáo: Báo cáo quyết toán theo Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã (gọi tắt Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính) và Báo cáo tài chính tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán và tài chính xã (gọi tắt Thông tư 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính). Tại báo cáo UBND xã lập; chỉ một báo cáo, vừa thừa, vừa thiếu báo biểu và không đảm bảo trình tự theo 02 Thông tư nêu trên.

**9. Về thực hiện chi từ nguồn dự phòng ngân sách:** Theo báo cáo quyết toán ngân sách xã, tổng dự toán nguồn kinh phí dự phòng năm 2022 chuyển sang năm 2023 là 102.200.000 đồng, UBND xã đã chi số kinh phí này cho các nhiệm vụ chi hỗ trợ hoạt động mặt trận, các Hội đoàn thể trong năm 2023 tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 30/6/2023 của HĐND xã Gio Hải về phân bổ chuyển nhiệm vụ chi từ năm 2022 sang năm 2023 (Không có Quyết định của UBND xã để triển khai thực hiện các nội dung chi, UBND xã chỉ căn cứ Nghị quyết của HĐND xã thực hiện), với số tiền: 15.000.000 đồng.

Căn cứ Luật NSNN năm 2015 và Khoản 4 Điều 11 Thông tư 344/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn : “Ngân sách xã được bố trí mức dự phòng ngân sách hàng năm tương ứng từ 2% đến 4% tổng dự toán chi để đảm bảo các nhiệm vụ *phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về trật tự an toàn xã hội và nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã mà chưa được dự toán*, Ủy ban nhân dân xã quyết định sử dụng dự phòng ngân sách xã, kết thúc mỗi quý báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã và báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.”

Căn cứ quy định nêu trên UBND xã đã chi từ nguồn dự phòng không đúng quy định tại Luật NSNN 2015 và Thông tư 344/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính. **Thu hồi vào NSNN số tiền: 15.000.000 đồng** (Mười lăm triệu đồng chẵn).

10. Theo Thông báo của Cơ quan BHXH tháng 12/2023; đến 31/12/2023, UBND xã nộp thiếu BHXH, BHYT: 459.000 đồng. Theo quy định TK 332 phải có dư có, nhưng TK này có số có bằng 0, là chưa phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Đề nghị UBND thị trấn cuối niên độ kế toán làm việc với cơ quan BHXH để xác định số thừa, thiếu nhằm điều chỉnh đảm bảo theo quy định nói trên.

11. **Quỹ tài chính ngoài ngân sách:** Theo báo cáo của UBND xã Gio Hải các Quỹ trong năm 2023.

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số dư đầu năm	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn cuối năm
1	Quỹ Tình nghĩa	64.980.430	65.070.000	42.600.000	87.450.430
2	Quỹ bảo trợ trẻ em	(2.900)	-	-	(2.900)
3	Quỹ khuyến học	38.615.000	22.540.000	48.446.000	12.709.000
4	Quỹ KCB	60.000	-	-	60.000
5	Quỹ CS người cao tuổi	8.693.000	15.065.000	19.020.000	4.738.000
6	Quỹ ANQP	46.000	-	-	46.000
7	Quỹ người nghèo	142.904.000	79.077.000	129.000.000	92.981.000
8	Quỹ phòng chống thiên tai	41.580.500	-	-	41.580.500



9	Quỹ Bộ tư lệnh hỗ trợ	88.000.000	-	-	88.000.000
10	Quỹ phát triển giao dục	53.962	-	-	53.962
11	Thu hộ, chi hộ (TK tiền gửi tại đơn vị)	302.158.300	40.497.396	328.190.800	14.464.896
	<b>Tổng cộng</b>	<b>687.088.292</b>	<b>222.249.396</b>	<b>567.256.800</b>	<b>342.080.888</b>

### **Nhận xét:**

- Thu, chi các quỹ UBND xã cơ bản đảm bảo, đã chi theo đúng tính chất, nội dung hình thành quỹ, Tuy nhiên đang phản ánh vào TK 431 Quỹ phòng chống thiên tai; Quỹ Bộ tư lệnh hỗ trợ là chưa đảm bảo quy định tại Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã. Đề nghị UBND xã hạch toán khoản thu này qua TK 336 - các khoản thu hộ, chi hộ.

- Đề nghị UBND xã không duy trì Quỹ an ninh - quốc phòng: Nghị định 03/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ (có hiệu lực từ ngày 21/02/2016) và Nghị định 03/2016/NĐ-CP cho đến nay cũng đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Nghị định 72/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ. Trong Nghị định 03/2016/NĐ-CP và Nghị định 72/2020/NĐ-CP không còn quy định nào về quỹ an ninh - quốc phòng.

## **12. Xây dựng cơ bản**

**12.1.** Một số Hóa đơn bán hàng hoặc GTGT của đơn vị nhận thầu xuất hóa đơn chậm theo quy định tại Điều 16 - Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ “*Ngày hóa đơn đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền*” (nay là quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2022).



**12.2.** UBND xã Gio Hải có Quyết định số 85/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 về thành lập Ban Quản lý dự án xây dựng các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xã Gio Hải.

Căn cứ tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 14/9/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia quy định: “*Ban quản lý xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ban quản lý xã) được thành lập để tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã. Trưởng Ban là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; thành viên bao gồm: Công chức cấp xã phụ trách lĩnh vực địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường, tài chính - kế toán; đại diện các đoàn thể chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư.*”

Việc thành lập BQL dự án nói trên tại UBND xã không đúng thành phần quy định nêu trên. Đề nghị UBND xã điều chỉnh, bổ sung Quyết định thành lập BQL dự án xây dựng các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo thành phần quy định.

### **13. Chi tiền điện hộ nghèo**

- Năm 2022 chuyển sang: 0 đồng
- Thu trong năm (273 hộ): 89.914.200 đồng (Quý I: 22.270.800 đồng; Quý II,III: 45.372.600 đồng; Quý IV: 22.270.800 đồng)
- Chi trong năm: 89.914.200 đồng

Chi tiền điện cho hộ nghèo và Hộ chính sách tại UBND xã, còn tồn tại: Chi trả tiền điện Quý I, nhưng đến tháng 11/2023 mới thanh toán tiền điện cho các hộ chính sách, hộ nghèo.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính về quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội “*Thực hiện rút kinh phí, phân công cán bộ phụ trách Lao động - Thương binh và Xã hội, cán bộ làm công tác giảm nghèo, trưởng thôn, ấp, bản tổ chức thực hiện chi trả bằng tiền mặt trực tiếp đến từng hộ nghèo và hộ chính sách xã hội được hỗ trợ tiền điện trên địa bàn mỗi quý 1 lần và hoàn thành chi trả trước ngày 25 của tháng thứ 2 trong quý. Trường hợp quý sau căn cứ hóa đơn thanh toán tiền điện của hộ chính sách xã hội nếu vượt sản lượng điện sử dụng cho mục đích sinh hoạt (trên 50 kwh) trong tháng của quý trước, thì số tiền thanh toán cho đối tượng được hưởng điều chỉnh giảm (hoặc thu hồi) vào quý sau.*

Đề nghị UBND xã nghiêm túc thanh toán kinh phí cho hộ nghèo, hộ chính sách kịp thời, đảm bảo thời gian theo Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính.

**14.** Năm 2023, UBND xã chưa thực hiện công khai quý, 06 tháng: Số liệu dự toán thu, chi ngân sách hàng quý, 06 tháng; mua sắm tài sản theo Điều 1, Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính; quy trình đầu tư XDCB theo quy định tại Thông tư 10/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính; ngân sách theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17, Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 về thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách về việc công khai các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 15: Tất cả các nguồn kinh phí liên quan đến tài chính xã, được thực hiện bằng các hình thức: Niêm yết công khai tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã ít nhất trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày niêm yết; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã (nếu xã có hệ thống truyền thanh); công khai các quỹ công chuyên dùng theo Thông tư 19/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính. Đề nghị UBND xã nghiêm túc thực hiện công tác này theo quy định của pháp luật.

#### **15. Kiểm tra số dư tiền gửi tại KBNN của UBND xã Gio Hải**

Qua kiểm tra, UBND xã có tiền bảo hành công trình từ dự án chia sẻ đã lâu nhưng không còn nội dung chi trả: **28.664.435 đồng** (11.164.435 đồng + 17.500.000 đồng). Thu hồi vào NSNN số tiền nêu trên.

#### **16. Quy chế chi tiêu nội bộ.**

- Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh bổ sung hàng năm không phải Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023

- Tại Quyết định

+ Điều chỉnh căn cứ theo hướng đảm bảo đầy đủ nội dung pháp lý: Nghị định 130/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ; Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức & người lao động và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Tại Quy chế

+ Bổ sung tại khoản 1 điều 7 Chương II: “Theo Nghị quyết số 17/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022, trường hợp số giờ làm thêm trong 01 năm, từ 200 giờ đến 300 giờ/năm. Nhà Trường phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

#### **17. Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công**

- Tại Quyết định: Căn cứ điều chỉnh theo hướng gọn, nhưng đầy đủ: Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản, Nghị định 151/2017/NĐCP của Chính phủ, Thông tư 144/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 151/NĐ-CP của Chính phủ, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và xét đề nghị của Công chức tài chính kế toán.

+ Bổ sung: Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh về quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 100/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Nghị quyết số Nghị quyết số 31/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh.

+ Đối tượng áp dụng: Cán bộ, công chức và người lao động xã (là đối tượng quản lý, sử dụng tài sản).

- Tại Quy chế

Rà soát, viết lại theo hướng dẫn được quy định tại Điều 7 Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tại Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

### **18. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư**

Căn cứ Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công. Các công trình thuộc UBND xã làm chủ đầu tư thuộc nhóm C, theo đó thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán công trình phê duyệt: 04 tháng; Thời gian thẩm tra quyết toán: 03 tháng; Thời gian phê duyệt quyết toán: 15 ngày. Do đó, một số công trình đã quá thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo thời gian quy định nói trên, cụ thể:

STT	Tên Công trình	Ngày nghiệm thu đưa vào sử dụng	Ghi chú
	<b>Các công trình triển khai thực hiện trong năm 2023, chủ đầu tư: UBND xã Gio Hải</b>		
1	Xây dựng 02 bê tông của THTCĐ thôn 5 và thôn Tân Hải	29/8/2023	Theo báo cáo của UBND xã đã gửi hồ sơ xét duyệt quyết toán

2	Bê tông hóa đường GTNT đoạn từ nhà ông Hùng, đến nhà ông Khoa	29/8/2023	nt
3	Xây dựng đường bê tông vào chợ sân bê tông chợ Trung tâm xã	29/09/2023	nt
4	Trường tiểu học và TH CS số 2, sơn sửa tường rào, sửa chữa phòng Đa chức năng	29/9/2023	nt
5	Bê tông hóa kênh nội đồng thôn Nhĩ Hạ, Nhĩ Trung	28/8/2023	nt

Đề nghị UBND xã Gio Hải liên hệ cơ quan có thẩm quyền để phê duyệt quyết toán các công trình trong năm 2023 đảm bảo quy định (*tại thời điểm kiểm tra 15/3/2024 đã quá thời gian theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ*).

19. UBND xã phát sinh tài sản trong năm 2022 đã nghiệm thu, thanh toán và được phê duyệt quyết toán nhưng không phản ánh tăng TSCĐ các công trình vào Sổ sách kế toán để theo dõi, quản lý, cụ thể:

STT	Tên tài sản cố định	Năm đưa vào sử dụng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Các công trình, dự án chưa phản ánh vào sổ tài sản cố định</b>		
1	Kênh Rộc hạc-Rộc vèng NS đất trồng lúa 5% năm 2021+2022	Năm 2022	Đã phê duyệt quyết toán; Thiếu ghi tăng TSCĐ
2	Kênh tưới, tiêu trạm bơm Nhĩ Hạ năm 2022	Năm 2022	nt
3	Xây dựng bếp ăn bán trú (Khu vực trung tâm)	Năm 2022	nt
4	Cổng tam quan Nghĩa trang	Năm 2022	nt
5	Bê tông hóa GTNT Thôn Nhĩ Hạ tuyến từ nhà Ô Hiền –Nhà Thành Bông	Năm 2022	nt
6	Bê tông hóa đường giao thông thôn 4 tuyến từ nhà ông Bòn-nhà Ông Phiến	Năm 2022	nt
7	Bê tông hóa Kênh mương Nhĩ Hạ kênh Ô Gà	Năm 2022	nt

8	Bê tông hóa đường Giao thông thôn 4( từ nhà Ông Đăng-ông Hồ Đăng; từ nhà ông Thương-Ông Mễ; từ nhà Ông Bòn-Ông Phiến)	Năm 2022	nt
9	Bê tông hóa đường giao thông thôn 5 (từ nhà ông Lập đến nhà Ông Cường)	Năm 2022	Đã phê duyệt quyết toán; Thiếu ghi tăng TSCĐ
10	Bê tông hóa đường giao thông thôn Nhĩ Hạ (từ nhà Kiêm, Nhà ông Hoàng Khuyên-Đường huyện Võ)	Năm 2022	nt
11	Bê tông hóa đường giao thông thôn Nhĩ Trung (từ nhà Tý ông Thần; từ nhà Tuấn (Liên) Đường Thành Giang)	Năm 2022	nt
12	Bê tông hóa đường giao thông thôn Tân Hải (từ nhà ông Tấn-Ông Bình;từ nhà Ông Thuyết-Bà Hường)	Năm 2022	nt

**III. KIẾN NGHỊ:** Để không ngừng nâng cao hiệu quả và hoàn thiện công tác quản lý tài chính đối với UBND xã Gio Hải, huyện Gio Linh; Thanh tra Sở Tài chính kiến nghị:

**A. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Gio Linh**

1. Tăng cường công tác kiểm tra tài chính, thông qua xét duyệt quyết toán hàng năm đối với UBND xã theo chức năng quản lý nhà nước về tài chính trên địa bàn.

2. Tăng cường chỉ đạo công tác quản lý, sử dụng tài sản; công tác kiểm kê, phản ánh và theo dõi, quản lý tài sản đảm bảo quy định tại điều 40 Luật Kế toán 2015 và Nghị định 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Chỉ đạo UBND xã chi trả chế độ chi tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách đảm bảo thời gian được quy định tại Điều 5 Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính về quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

4. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành đảm bảo quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

5. Chỉ đạo và đôn đốc UBND xã nghiêm túc khắc phục các tồn tại được nêu bên dưới và nộp vào ngân sách nhà nước khi có Quyết định thu hồi; xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra Sở Tài chính.

**B. Ủy ban nhân dân xã Gio Hải, huyện Gio Linh:** Yêu cầu Chủ tịch UBND xã Gio Hải chỉ đạo các bộ phận và cá nhân liên quan khắc phục kịp thời các hạn chế đã chỉ ra tại Phần II: tồn tại, hạn chế và thực hiện đầy đủ kịp thời các nội dung sau:

1. Thu hồi vào ngân sách nhà nước, số tiền: **15.000.000 đồng** (Mười lăm triệu đồng chẵn), do chi từ nguồn dự phòng năm 2022 không đúng quy định.

2. Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán tại Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, với số tiền: **1.000.000 đồng** (Một triệu đồng chẵn), do không lập báo cáo kết quả kiểm kê tài sản theo quy định.

3. Thu hồi vào ngân sách nhà nước, số tiền: **28.664.435 đồng** (Hai mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi tư ngàn, bốn trăm ba mươi năm đồng), đang thể hiện tại tài khoản tiền gửi của UBND xã nhưng không xác định các khoản phải trả từ các năm trước chuyển sang.

4. Phối hợp có hiệu quả với các cơ quan liên quan để thực hiện chi trả chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách đảm bảo thời gian quy định tại Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính.

5. Nghiêm túc thực hiện công khai các nội dung, được nêu tại khoản 14, Mục II của phần đánh giá công tác quản lý tài chính theo quy định của pháp luật.

6. Cuối năm, nghiêm túc thực hiện lập Báo cáo quyết toán và Báo cáo tài chính theo Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 và Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

7. Phản ánh vào sổ kế toán TSCĐ vô hình, phần mềm kế toán và phần mềm quản lý khác và mở thêm TK cấp 2 theo thẩm quyền để phản ánh hao mòn tài sản vô hình.

8. Thực hiện nghiêm công tác quản lý tài sản, kiểm kê tài sản đối với các nội dung được nêu tại khoản 2, Mục II của phần đánh giá công tác quản lý tài chính theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

9. Làm việc với các cơ quan liên quan để hoàn thành phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đảm bảo quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.



10. Bỏ, điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế sử dụng, quản lý tài sản công được nêu tại khoản 16, 17 Mục II của phần đánh giá công tác quản lý tài chính.

11. Khẩn trương làm việc với các cơ quan liên quan cấp giấy chứng nhận QSD Đất các cơ sở chưa có GCN QSD Đất để phản ánh vào sổ kế toán giá trị quyền sử dụng đất diện tích của 06 cơ sở nhà đất, TSCĐ vô hình theo Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

12. Thực hiện quản lý Quỹ tài chính ngoài ngân sách đảm bảo quy định được nêu tại khoản 11, Mục II của phần đánh giá công tác quản lý tài chính.

13. Nâng cao chất lượng các báo biểu; sắp xếp chứng từ kế toán đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, khoa học và theo quy định của pháp luật.

14. Nghiêm túc khắc phục các tồn tại được nêu tại khoản 7, khoản 8, khoản 10, khoản 12 mục II và các nội dung khác của phần đánh giá công tác quản lý tài chính.

Trên đây là Kết luận thanh tra tài chính tại UBND xã Gio Hải, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Trong thời hạn 30 ngày; kể từ ngày gửi kết luận này, yêu cầu UBND xã báo cáo kết quả đã thực hiện theo Kết luận thanh tra về Thanh tra Sở Tài chính theo quy định./.

***Nơi nhận***

- UBND xã Gio Hải;
- Phòng TC - KH huyện Gio Linh;
- Giám đốc (Báo cáo);
- Lưu: TTra.



**Hoàng Thanh Hải**

**BẢNG CHI TIẾT QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2023  
CỦA UBND XÃ GIO HẢI**

*(Kèm theo Kết luận thanh tra tài chính số 04/KL-TTr ngày 25 tháng 4 năm 2024 của  
Chánh thanh tra Sở Tài chính)*

*Đơn vị tính: đồng*

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>DỰ TOÁN</b>	<b>QUYẾT TOÁN</b>	<b>SO SÁNH QT/DT (%)</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách trong năm</b>	<b>6.844.522.476</b>	<b>7.543.379.960</b>	<b>110,21%</b>
<b>1</b>	<b>Thu tại xã</b>	<b>176.700.000</b>	<b>516.863.484</b>	<b>292%</b>
<b>1.1.</b>	<b>Các khoản thu xã hưởng 100%</b>	<b>90.000.000</b>	<b>120.905.000</b>	<b>134%</b>
-	<i>Phí, lệ phí (phí chứng thực)</i>	40.000.000	35.339.000	88,35%
-	<i>Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác</i>	50.000.000	80.566.000	161,13%
-	<i>Thu xử phạt, tịch thu khác</i>	0	5.000.000	0
<b>1.2.</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %</b>	<b>86.700.000</b>	<b>395.958.484</b>	<b>456,7%</b>
-	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	4.800.000	6.160.000	128,33%
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	0	69.680.383	0
-	Thuế GTGT	54.600.000	98.445.637	180,30%
-	Thuế TNCN (từ bất động sản)	27.300.000	221.648.664	811,90%
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0	23.800	0
<b>2</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>5.254.900.000</b>	<b>5.613.594.000</b>	
2.1.	Bổ sung cân đối ngân sách	4.570.400.000	4.597.700.000	100,6%
2.2.	Bổ sung có mục tiêu (CTMT QG, chương trình mục tiêu, nhiệm vụ của địa phương...)	684.500.000	1.015.894.000	148,41%
<b>3</b>	<b>Thu chuyển nguồn ngân sách từ năm 2022 chuyển sang</b>	<b>1.412.922.476</b>	<b>1.412.922.476</b>	
3.1.	Nguồn CCTL (bao gồm: 70% tăng thu so với dự toán năm 2022; 10%	916.390.000	916.390.000	

	tiết kiệm chi thường xuyên năm 2022, nguồn CCTL năm trước còn lại)			
3.2.	Nguồn 13 còn lại	2.267.758	2.267.758	
3.3.	Công trình đầu tư xây dựng cơ bản	186.823.000	186.823.000	
3.4.	Bổ sung sau ngày 30/9	182.209.760	182.209.760	
3.5.	Tăng thu, tiết kiệm chi, dự phòng	125.231.958	125.231.958	
-	<i>Trong đó: Dự phòng</i>	<i>102.200.000</i>	<i>102.200.000</i>	

**BẢNG CHI TIẾT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023  
CỦA UBND XÃ GIO HẢI**

*(Kèm theo Kết luận thanh tra tài chính số 04/KL-TTr ngày 25 tháng 4 năm 2024 của  
Chánh thanh tra Sở Tài chính)*

*Đơn vị tính: đồng*

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>DỰ TOÁN</b>	<b>QUYẾT TOÁN</b>	<b>SỐ SÁNH QT/DT (%)</b>
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách trong năm</b>	<b>6.689.054.183</b>	<b>7.543.379.960</b>	
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>186.000.000</b>	<b>275.462.000</b>	
<b>2</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>834.400.000</b>	<b>1.032.716.504</b>	
-	<i>Chi quốc phòng</i>	<i>320.300.000</i>	<i>318.954.204</i>	<i>99,58%</i>
-	<i>Chi an ninh, trật tự</i>	<i>33.000.000</i>	<i>41.032.500</i>	<i>124,34%</i>
-	<i>Chi sự nghiệp giáo dục</i>	<i>45.000.000</i>	<i>28.052.800</i>	<i>62,34%</i>
-	<i>Chi sự nghiệp Văn hóa, Thông tin (36 tr thôn – KDC)</i>	<i>53.300.000</i>	<i>62.890.000</i>	<i>99,34%</i>
-	<i>Chi sự nghiệp thể dục, thể thao</i>	<i>13.800.000</i>	<i>13.295.000</i>	<i>96,34%</i>
-	<i>Chi sự nghiệp xã hội</i>	<i>290.400.000</i>	<i>338.752.000</i>	<i>116,65%</i>
+	<i>Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác</i>	-	<i>184.458.000</i>	-
+	<i>Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng</i>	-	<i>25.390.000</i>	-
+	<i>Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng BTXH, các đối tượng khác</i>	-	<i>128.904.000</i>	-
-	<i>Chi sự nghiệp kinh tế</i>	<i>25.000.000</i>	<i>213.570.000</i>	<i>854,28%</i>
-	<i>Sự nghiệp môi trường</i>	<i>20.000.000</i>	<i>14.170.000</i>	-
-	<i>Sự nghiệp phát thanh</i>	<i>10.000.000</i>	<i>2.000.000</i>	-
<b>3</b>	<b>Chi quản lý nhà nước, đảng đoàn thể</b>	<b>4.543.299.524</b>	<b>5.109.846.797</b>	<b>104,59%</b>
-	<i>Ủy Ban nhân dân</i>	<i>2.547.108.000</i>	<i>2.854.639.868</i>	

-	Hội đồng nhân dân	346.600.000	508.007.248	
-	Đảng Cộng sản Việt Nam	554.500.000	646.145.687	
-	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	228.820.000	313.488.556	
-	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	108.600.000	143.669.620	
-	Hội liên hiệp phụ nữ	105.900.000	172.687.699	
-	Hội CCB	117.000.000	180.481.103	
-	Hội Nông dân	109.800.000	209.879.416	
-	Chi hỗ trợ các hội khác	-	80.847.600	
<b>4</b>	<b>Chi nộp trả ngân sách cấp trên</b>	<b>2.146.000</b>	<b>2.146.000</b>	Đất trồng lúa NĐ 62
<b>5</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau</b>	<b>1.123.208.659</b>	<b>1.123.208.659</b>	
<b>5.1.</b>	<i>Nguồn trích CCTL (bao gồm: 70% tăng thu so với dự toán năm 2023; 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2023, nguồn CCTL năm trước còn lại)</i>		823.870.000	
<b>5.2.</b>	<i>Kinh phí bổ sung sau ngày 30/9 (Thuê bao giám sát hành trình tàu cá)</i>		18.958.000	
<b>5.3.</b>	<i>Đấu giá đất 5% chưa thực hiện xây dựng công trình của xã</i>		80.566.000	
<b>5.4.</b>	<i>Kinh phí TX nguồn tự chủ (nguồn 13)</i>		34.034.751	
<b>5.5.</b>	<i>Vốn đầu tư công tam quan</i>		11.744.000	
<b>5.6.</b>	<i>Vốn NĐ 62 đất trồng lúa</i>		4.217.000	
<b>5.7.</b>	<i>Tăng thu, tiết kiệm chi</i>		52.318.908	
<b>5.8.</b>	<i>Dự phòng</i>		97.500.000	Không thực hiện trong năm

**TỔNG HỢP QUẢN LÝ TÀI SẢN CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT  
CỦA UBND XÃ GIO HẢI**

*(Kèm theo Kết luận thanh tra tài chính số 04/KL-TTr ngày 25 tháng 4 năm 2024 của  
Chánh thanh tra Sở Tài chính)*

TT	Đơn vị	Tổng hợp		
		Chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Chưa làm chuyển đổi tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Xác định giá trị quyền sử dụng đất chưa đúng quy định
1	2	3	4	5
01	UBND xã Gio Hải huyện Gio Linh (14 cơ sở) Trong đó: - Chưa làm giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất gồm: Cơ sở tại thôn 4 xã Gio Hải (1.209 m <sup>2</sup> ); tại thôn 6 (1.716 m <sup>2</sup> ); thôn Hà Lợi Tây (952m <sup>2</sup> ); thôn Diêm Hà (1.441m <sup>2</sup> ); thôn Nhĩ Hạ (874m <sup>2</sup> ); thôn Nhĩ Trung (2.249m <sup>2</sup> ) - Chưa chuyển đổi tên chủ sở hữu gồm: cơ sở tại thôn 4 (2.309m <sup>2</sup> ); thôn Diêm Hà (củ) (1.053m <sup>2</sup> ); thôn 8 (củ) (812m <sup>2</sup> ); thôn Nhĩ Trung (1.554m <sup>2</sup> ); thôn Tân Hải (1.718m <sup>2</sup> )	6 cơ sở	5 cơ sở	14 cơ sở



# BÁO CÁO SỐ LIỆU XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2022, 2023 CỦA UBND XÃ GIO HẢI

(Kèm theo Kết luận thanh tra tài chính số 04/KL-TTr ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chánh thanh tra Sở Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên chương trình, dự án	Giá trị phê duyệt TMBT			Giá trị phê duyệt DT			Giá trị phê duyệt trúng thầu			Giá trị nghiệm thu			Giá trị đã thanh toán		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Xây lắp	Khác		Xây lắp	Khác		Xây lắp	Khác		Xây lắp	Khác		Xây lắp	Khác
1	2		5	6	7	8	9	11	12	13	14	15	16			
1	Kênh Rộc hạc-Rộc veng NS đất trồng lúa 5% năm 2021+2022	137.000	117.269	19.731	137.000	117.269	19.731	117.269	19.731	117.269	19.731	117.269	19.731			19.537
2	Kênh tưới, tiêu trạm bơm Nhĩ Hạ năm 2022	104.600	88.409	16.191	88.409	88.409	16.191	16.191	88.409	88.409	14.045	88.409	14.045			14.045
3	Bê tông hóa GTNT thôn Nhĩ Hạ tuyến từ nhà Ô Hiền -Nhà Thành Bông	500.000	479.517	20.483	420.483	400.000	20.483	479.517	20.483	479.517	20.483	479.517	20.483			400.000
4	Bê tông hóa GTNT thôn 4 tuyến từ nhà Ô Bòn-Nhà Ô Phiến	375.000	359.642	15.358	375.000	359.642	15.358	359.642	15.358	359.642	15.358	359.642	15.358			300.000
5	Bê tông hóa Kênh mương Nhĩ Hạ kênh Ô Gà	700.000	663.914	36.086	663.914	663.914	36.086	663.914	36.086	663.914	36.086	663.914	36.086			29.115
6	Bê tông hóa đường Giao thông thôn 4( từ nhà Ông Đăng-ông Hồ Đăng; từ nhà ông Thương-Ông Mè; từ nhà Ông Bòn-Ông Phiến)	800.000	767.155	32.845	767.155	767.155	32.845	767.155	32.845	767.155	32.845	767.155	32.845			25.230
7	Bê tông hóa đường giao thông thôn 5 (từ nhà ông Lập đến nhà Ông Cường)	800.000	767.214	32.786	767.214	767.214	32.786	767.214	32.786	767.214	32.786	767.214	32.786			25.187
8	Bê tông hóa đường giao thông thôn Tân Hải (từ nhà ông Tấn-Ông Bình; từ nhà Ông Thuyết-Bà Hương)	700.000	671.300	28.700	671.300	671.300	28.700	671.300	28.700	671.300	28.700	671.300	28.700			22.042

9	Bê tông hóa đường giao thông thôn Nhi Trung (từ nhà Tý ông Thân; từ nhà Tuấn (Liên) Đường Thành Giang)	700.000	671.325	28.675	671.325	671.325	28.675	671.325	28.675	671.325	671.325	28.675	671.325	28.675	671.325	22.030
10	Bê tông hóa đường giao thông thôn Nhi Hạ (từ nhà Kiêm, Nhà ông Hoàng Khuyển-Đường huyện Võ)	800.000	767.262	32.738	767.262	767.262	32.738	767.262	32.738	767.262	767.262	32.738	767.262	32.738	767.262	25.153
11	Bê tông hóa đường GTNT đoạn từ nhà ông Hùng, đến nhà ông Khoa	250.000	239.756	10.244	239.756	250.000	10.244	239.756	10.244	239.756	239.756	10.244	239.756	10.244	239.756	
12	Bê tông hóa kênh nội đồng thôn Nhi Hạ, Nhi Trung	466.670	442.613	24.057	442.613	466.670	24.057	442.613	24.057	442.613	442.613	24.057	442.613	24.057	442.613	
13	Trường tiểu học và TH CS số 1, xây dựng 02 nhà vệ sinh cho học sinh, bê tông hóa sân nhà đa năng	947.370	838.296	109.074	838.296	947.370	109.074	838.296	109.074	838.296	838.296	109.074	838.296	109.074	838.296	82.027
14	Trường tiểu học và TH CS số 2, sơn sửa tường rào, sửa chữa phòng Đa chức năng	452.630	400.400	52.230	400.400	452.630	52.230	400.400	52.230	400.400	400.400	52.230	400.400	52.230	400.400	39.179
15	Xây dựng 02 bê tông của TTHTCD thôn 5 và thôn Tân Hải	421.050	403.791	17.259	403.791	421.050	17.259	403.791	17.259	403.791	403.791	17.259	403.791	17.259	403.791	17.259
16	Nâng cấp đường kết hợp rãnh thoát nước từ nhà Ông Cấn đến nhà ông Hoa (Vốn quỹ đất huyện)	310.000	231.107	78.893	231.107	310.000	78.893	231.107	78.893	231.107	231.107	78.893	231.107	78.893	231.107	33.574
	<b>Tổng</b>	<b>8.464.320</b>	<b>7.908.970</b>	<b>555.350</b>	<b>7.829.453</b>	<b>8.176.782</b>	<b>555.350</b>	<b>7.829.453</b>	<b>555.350</b>	<b>7.829.453</b>	<b>7.829.453</b>	<b>555.350</b>	<b>7.829.453</b>	<b>555.350</b>	<b>7.829.453</b>	<b>354.378</b>